

Bản án số: 64/2020/DS-ST

Ngày: 10-8-2020

Tranh chấp “Đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn

Cán bộ hưu trí xã Mỹ Hòa Hưng – thành phố L

2. Ông Đỗ Trọng Ngoan

Hội trưởng Hội khuyến học phường Đông Xuyên - thành phố L

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 03 năm 2019 về tranh chấp “Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2020/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 186/2020/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Kim H, sinh năm 1978

Địa chỉ: Số 191, tổ 32B, đường Hoàng Diệu, khóm Châu Long 4, phường Châu Phú B, Thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1978. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 2C5, đường Nguyễn Khuyến, phường K, Thành phố X, tỉnh An Giang.

Nơi đăng ký thường trú: Số 18, đường Nguyễn Khuyển, khóm Bình Thới 2, phường K, Thành phố X, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng S. Trụ sở: Số 266-268, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh S, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng S chi nhánh An Giang.

Địa chỉ: Số 33, đường Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, thành phố X, tỉnh An Giang.

Ông Trần Minh S ủy quyền lại: Ông Trần Quang N, sinh năm 1982, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Châu Đốc – Chi nhánh An Giang (Theo giấy ủy của Giám đốc Ngân hàng S ngày 06/8/2020).

Địa chỉ: Số 88, đường Đồng Đa, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

(Ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2018 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Kim H trình bày:

Ngày 05/02/2018, bà Võ Thị Kim H đến Phòng giao dịch Châu Đốc Ngân hàng S giao dịch trên Internet banking chuyển khoản số tiền 40.000.000đ, khi thực hiện thao tác thì bà H đã chuyển nhầm vào tài khoản của ông Trần Văn T. Ngay sau đó, bà H thông báo cho Ngân hàng và yêu cầu phong tỏa số tiền trong tài khoản của ông T và Ngân hàng xác nhận sự việc vào ngày 21/3/2018. Mặt khác, bà H liên hệ với ông T và báo Công an phường K, Thành phố X yêu cầu ông T chuyển trả lại số tiền trên nhưng ông T không hợp tác. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu ông T phải chuyển trả lại cho bà số tiền 40.000.000đ do chuyển nhầm tài khoản.

* Bị đơn ông Trần Văn T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa lần thứ hai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng S vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án và tại phiên tòa lần thứ hai, không gửi văn bản trình

bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Ngày 06/8/2020, Ngân hàng gửi văn bản ủy quyền cho người tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa dân sự sơ thẩm

Nguyên đơn bà Võ Thị Kim H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Trần Văn T vắng mặt lần thứ hai, không lý do.

Đại diện Ngân hàng S – ông Trần Quang N có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Việc niêm yết thủ tục tố tụng cho bị đơn là chưa đảm bảo thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cụ thể Tòa án tiến hành tổng đạt cho ông T bằng hình thức niêm yết các thủ tục tổng đạt cho ông T tại địa chỉ số 18, đường Nguyễn Khuyến, xóm Bình Thới 2, phường K, thành phố X là chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 177, 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Viện kiểm sát không phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa nguyên đơn, bị đơn là tranh chấp quyền sở hữu tài sản (Đòi tài sản), tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Thành phố X theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và xác định tư cách đương sự theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc tổng đạt, niêm yết cho bị đơn Trần Văn T chưa đảm bảo thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Xét thấy, ngày 05/02/2018, nguyên đơn chuyển tiền nhằm tài khoản của ông Trần Văn T tại Phòng giao dịch Châu Đốc - Ngân hàng S và Ngân hàng có văn bản xác nhận việc này. Tuy nhiên, đây không phải là giao dịch dân sự được thỏa thuận thực hiện giữa các bên nên ông T phải có nghĩa vụ chuyển tiền trả lại cho bà H nhưng ông T không thực hiện, buộc nguyên đơn phải khởi kiện đòi lại tài sản.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng cư trú của ông T theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp và được chính quyền địa phương xác định: “Ông T đăng ký thường trú tại số 18, đường Nguyễn Khuyến, khóm Bình Thới 2, phường K, Thành phố X, tỉnh An Giang, ông T bỏ địa phương đi từ năm 2017”. Như vậy, bị đơn không thay đổi nơi cư trú và không có mặt tại địa phương trước thời gian nguyên đơn chuyển tiền vào tài khoản (05/02/2018) nên cho rằng việc cấp tổng đạt cho bị đơn chưa bảo đảm theo quy định là chỉ xem xét quyền lợi cho bị đơn, trường hợp bị đơn cố tình lẩn tránh thì quyền lợi về tài sản của nguyên đơn đang bị bị đơn chiếm hữu chưa được xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp

[2.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị Kim H cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 05/02/2018, nguyên đơn đến Phòng giao dịch Châu Đốc – Ngân hàng S thao tác trên internet banking chuyển tiền cho khách hàng trong giao dịch mua bán làm ăn. Tuy nhiên, bà H đã thao tác sai số tài khoản và chuyển nhằm số tiền 40.000.000đ vào tài khoản của ông Trần Văn T và được Ngân hàng xác nhận. Đến ngày 02/5/2018, bà H gửi đơn đến Công an phường K tường trình sự việc và mời ông T làm việc nhưng ông T không hợp tác để chuyển trả số tiền trên cho bà H là chiếm hữu tài sản không có căn cứ pháp luật. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải hoàn trả số tiền 40.000.000đ là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 166, Điều 579, Điều 580 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Bị đơn ông Trần Văn T không thể hiện ý kiến phản đối bằng văn bản, không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cố tình trốn tránh nghĩa vụ hoàn trả tài sản cho nguyên đơn.

[2.3] Tại bản xác nhận của Ngân hàng S ngày 21/3/2018 thể hiện rõ nội dung sự việc chuyển khoản của bà H, do thao tác sai số tài khoản nên đã chuyển nhầm vào tài khoản ông T. Tuy nhiên, Ngân hàng không tự ý rút tiền từ tài khoản của khách hàng mà phải có sự đồng ý của chủ tài khoản, vì vậy Ngân hàng có liên hệ với ông T nhưng ông T không hợp tác.

[2.4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận. Do đó, buộc ông Trần Văn T phải có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Kim H số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Trần Văn T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

[4] Về quyền kháng cáo

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản Điều 39; Điều 68; khoản 1 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 166, Điều 579, Điều 580 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị Kim H đối với bị đơn Trần Văn T.

Buộc ông Trần Văn T phải có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Kim H số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm

Bị đơn Trần Văn T phải nộp 2.000.000đ (hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Võ Thị Kim H 2.000.000đ (hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002776 ngày 12/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPL;
- Chi cục THADS TPL;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam